

1 GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA

1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Mĩ thuật ở cấp Tiểu học nói chung và lớp 1 nói riêng

Trước thế kỉ XXI, giáo dục mĩ thuật ở Việt Nam chỉ dành cho một tỉ lệ rất nhỏ người dân, tập trung trong những gia đình có địa vị, và học mĩ thuật được xem như một phương thức để khẳng định vị thế trong cộng đồng. Lúc này, giáo dục mĩ thuật theo kiểu truyền nghề chỉ diễn ra ở từng nhóm nhỏ hay ở trường chuyên biệt, hoặc cá nhân có nhu cầu thì đến xưởng mĩ thuật để học theo cách: người dạy giảng giải, làm mẫu và người học ghi nhớ, làm theo. Thành công của người học hoặc phụ thuộc vào người dạy tốt – có tâm hoặc nhờ vào tố chất “thiên phú” của người học. Cách thức giáo dục mĩ thuật này kéo dài hơn hai nghìn năm. Trong khoảng thời gian đó, cũng có những cuộc cách mạng làm thay đổi nền mĩ thuật một cách sâu rộng, tác động làm thay đổi thị hiếu thẩm mĩ một cách nhất định nhưng về cơ bản, lĩnh vực giáo dục mĩ thuật là nơi ít có biến động nhất.

Đến thế kỉ XXI, mĩ thuật được xem là lĩnh vực giáo dục góp phần hoàn thiện nhân cách thì yêu cầu đặt ra là cần một phương thức mới, phù hợp với thực tiễn của cuộc sống. Lúc này, giáo dục mĩ thuật không chỉ theo phương thức truyền nghề cho một tỉ lệ nhỏ cư dân như trước nữa mà phải phù hợp và đáp ứng được nhu cầu, mục tiêu của nền giáo dục là hình thành năng lực thẩm mĩ cho người học. Theo đó, nội dung giáo dục mĩ thuật phải có tính đại chúng, hướng đến phát triển năng lực người học và phương pháp giáo dục cũng phải đổi mới tương ứng, sao cho ai cũng học được và khám phá, phát huy được năng lực của bản thân.

Lúc này, vấn đề đặt ra là: không thể sử dụng phương pháp cũ cho nội dung mới hay phương pháp mới cho nội dung cũ, mà mỗi nội dung mới cần có một phương pháp tương ứng, bởi nội dung và phương pháp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Vấn đề tiếp theo đặt ra là: làm thế nào để kiểm soát được quá trình giáo dục mỹ thuật để cho ai cũng học được? Để trả lời câu hỏi này, việc xây dựng nội dung và phương pháp giáo dục mỹ thuật phải dựa trên những thành tựu của tâm lý học và khoa học chuyên ngành, trong đó chú trọng đến hành động trí óc và các bước chuyển hoá đối tượng cần tri nhận vào bên trong trí óc của mỗi cá nhân. Trong giải pháp giáo dục mỹ thuật hiện đại, hành động trí óc có tính cốt lõi, bởi nếu giáo dục mỹ thuật trước đây chủ yếu theo hình thức người dạy làm mẫu, thị phạm, giải thích và người học ghi nhớ, làm theo thì giờ đây, người dạy tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp với quá trình nhận thức để người học chủ động lĩnh hội theo khả năng của mình.

Học và làm theo để có sản phẩm mỹ thuật; các sản phẩm làm ra na ná nhau là một giải pháp.

Học và tự mình làm ra sản phẩm mỹ thuật; các sản phẩm mỹ thuật làm ra khác nhau, mang dấu ấn cá nhân là một giải pháp.

Điều quan trọng là xã hội lựa chọn giải pháp nào tương ứng với sự vận động chung cũng như văn minh mà nó đang có.

Căn cứ theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), để cụ thể hoá và triển khai có hiệu quả nội dung giáo dục và yêu cầu cần đạt ở môn học, chúng tôi vận dụng quan điểm về sáng tạo trong tâm lý học nghệ thuật, cách tiếp cận trong nghiệp vụ sư phạm cùng với kết quả của tâm lý học lứa tuổi. Về cơ bản, dạy học mỹ thuật trong nhà trường phổ thông nhằm trang bị cho HS một số kiến thức phổ thông và cần thiết về mỹ thuật; những khái niệm, các loại hình, kiến thức cơ bản liên quan đến ngôn ngữ riêng của loại hình nhằm giúp HS hoàn thành được các bài tập quy định ở chương trình. Theo đó, dạy học mỹ thuật không nhằm đào tạo nên những người làm nghệ thuật chuyên nghiệp (họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà thiết kế,...) mà có mục đích giúp HS có được nhận thức ban đầu về loại hình nghệ thuật này, cũng như góp phần nâng cao thị hiếu thẩm mỹ, kỹ năng thực hành, kỹ năng thưởng thức những tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật theo cách phân giải những yếu tố cấu thành. Để đạt được mục tiêu đề ra, dạy học mỹ thuật ở các cấp học trong nhà trường phổ thông cần theo một số nguyên tắc:

Thứ nhất, môn Mỹ thuật có tính giáo dục: Môn học này giúp cho HS có con mắt tinh xảo, bàn tay khéo léo, óc quan sát, có cảm nhận, hiểu biết về những hình thể, màu sắc và đó là cơ sở cho việc phát triển trí tưởng tượng và tình cảm đối

với cảnh vật và con người xung quanh. Đồng thời, những kiến thức của môn học này sẽ hỗ trợ cho các môn liên quan đến các kĩ năng như khéo tay, quan sát, liên tưởng, tưởng tượng,...

Thứ hai, HS và GV được “tự do” trong hoạt động giáo dục mỹ thuật. Tự do cho người học là khi vẽ theo một sự vật, chủ đề nào đó thì người dạy không bắt HS bắt chước cách vẽ của mình. Tự do cho người dạy được hiểu là GV phải dạy hết chương trình đã được quy định, nội dung đã được biên soạn trong SGK nhưng được lựa chọn những phương pháp, cách thức triển khai bài dạy phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và đặc thù của HS ở địa phương. Sự tự do này đòi hỏi GV phải suy nghĩ, vận dụng khéo léo những tri thức chuyên ngành sao cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của mỗi cá nhân HS. Nói cách khác là GV chỉ theo những nguyên tắc, quy trình đã được thiết kế trong SGK, còn những chi tiết thì có quyền thay đổi sao cho phù hợp với hoàn cảnh, miễn sao đảm bảo được đúng mục tiêu cần đạt của bài học.

Thứ ba, GV không áp đặt, làm hộ mà tôn trọng sự sáng tạo của HS. Việc dạy học mỹ thuật cần lưu ý đến sự khơi gợi cách thức để HS tự mình làm ra sản phẩm, việc gợi ý cần chú ý đến sự phát triển trong nhận thức của HS. Chẳng hạn, thay vì vẽ một đồ vật có sẵn lên bảng để HS quan sát và vẽ theo thì GV cần phân tích hình dáng, màu sắc của đồ vật đó để HS tiếp nhận, xử lí theo cách của riêng mình. Bởi ở lứa tuổi HS, nhất là HS cấp Tiểu học thì khả năng bắt chước là rất lớn và điều này cản trở sự sáng tạo trong môn học.

Như vậy, bằng việc bám sát định hướng chung của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật, SGK Mỹ thuật được biên soạn có những quan điểm cụ thể như sau:

- Chú trọng “Kết nối tri thức với cuộc sống”, kiến thức không chỉ cần hiểu và ghi nhớ, mà phải là “chất liệu” quan trọng nhằm đến mục tiêu giúp HS hình thành phẩm chất và năng lực; học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với cuộc sống, tri thức gắn liền với thực tiễn.
- Thể hiện rõ nét đặc trưng của SGK dạy ngôn ngữ tạo hình, thị hiếu thẩm mỹ, tư duy sáng tạo theo mô hình phát triển phẩm chất và năng lực cho người học, cụ thể:
 - + Các kĩ năng của môn học Mỹ thuật như tạo hình 2D, 3D, trang trí, thảo luận, vận dụng làm đẹp trong cuộc sống,... được dạy học tích hợp trong một chủ đề, theo trình tự những gì quan sát được từ cuộc sống xung quanh sẽ làm cơ sở cho khả năng tái hiện lại bằng các hình thức tạo hình như vẽ,

nặn, xé dán, uốn,...; những sản phẩm mỹ thuật được tạo ra sẽ làm cơ sở cho hoạt động trao đổi, thảo luận; những kiến thức, kĩ năng được học sẽ được vận dụng làm đẹp đồ vật trong cuộc sống. Cách tiếp cận này sẽ được triển khai xuyên suốt ở cả ba cấp học và sẽ được tích hợp theo hình thức và mức độ phù hợp với mục tiêu và phương pháp giáo dục của từng cấp học.

- + Các nội dung giáo dục trong mỗi chủ đề được thực hiện dưới dạng các hoạt động theo một cấu trúc xác định. Những câu lệnh được sử dụng thể hiện yêu cầu mà HS cần phải thực hiện. Theo cách này, SGK Mỹ thuật có thể dùng để HS tự học, để cha mẹ hỗ trợ con em học tập, và để GV tổ chức hoạt động dạy học.
- + Bảo đảm thời lượng thực hiện theo khung chương trình môn Mỹ thuật giữa các nội dung tạo hình – ứng dụng, cũng như các kĩ năng vẽ, xé dán, trang trí, nặn, làm sản phẩm từ vật liệu tái sử dụng,... nhằm khơi gợi hứng thú tìm tòi, khám phá cũng như bồi dưỡng khả năng tưởng tượng, sáng tạo của HS. Bên cạnh đó, sách chú trọng khai thác hiệu quả những giá trị nghệ thuật tạo hình từ di sản văn hoá nghệ thuật truyền thống để HS có thể hiểu hơn về bản sắc văn hoá nghệ thuật của dân tộc mình.
- + Chú trọng đến tính hấp dẫn đặc thù trong lĩnh vực giáo dục mỹ thuật, sử dụng những hình ảnh có nhiều màu sắc hấp dẫn. Điều này là cần thiết, nhất là đối với HS nhỏ tuổi, bởi việc tạo hứng thú, động cơ với môn học có tính bền vững chính là từ đối tượng của môn học. Theo đó, trong môn học này, sự hấp dẫn của sách tùy thuộc nhiều vào kênh hình.